

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1242**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thành Danh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Trường T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 41/50/57 Ấp 6, xã T, huyện M, Tp.H.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12/71/20 Ấp 5, xã T, huyện M, Tp.H

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Trường T trình bày:

Ông Trần Trường T và bà Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2014 tại UBND xã Đông Thạnh,

huyện Hóc Môn, TP.HCM.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bà N không chăm lo làm việc, chăm sóc chồng, con mà gây ra nợ nần, làm tổn hại đến kinh tế gia đình. Đến năm 2020 thì bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và chuyển ra ngoài ở. Ông T và bà N đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân ông T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà N. Do đó, ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh Tuyền, sinh ngày 04/4/2014, Trần Trường Đô, sinh ngày 08/6/2015. Sau ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Nguyễn Thị Tuyết N hợp lệ nhưng bà N không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết N có địa chỉ tại 12/71/20 Ấp 5, xã T, huyện M, Tp.H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nguyên đơn ông Trần Trường T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của ông Trần Trường T và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì ông T và bà N đã chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyển số 01/2014, do xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP.HCM cấp ngày 07/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp.

Ông T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016. Nguyên nhân là do bà N không chăm lo làm việc, chăm sóc chồng, con mà gây ra nợ nần, làm tổn hại đến kinh tế gia đình. Đến năm 2020 thì bà N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và chuyển ra ngoài ở. Ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn.

Xét quá trình sống chung giữa hai bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N không đến Tòa án, thể hiện bà N không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của bà và ông T, không có thành ý muốn hàn gắn tình cảm với ông T. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà N trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung tên Trần Thanh Tuyền, sinh ngày 04/4/2014, Trần Trường Đô, sinh ngày 08/6/2015. Sau ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại, cả hai con chung đều đang sống chung với ông T từ khi vợ chồng ly thân với nhau. Tại Bản tự khai của con chung Trần Thanh Tuyền và tại Biên bản lấy lời khai của con chung Trần Trường Đô, cả hai bé đều có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, yêu cầu được nuôi hai con chung của ông T là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của ông T đối với bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai là không có; Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Về án phí: Ông Trần Trường T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trường T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76 quyền số 01/2014, do xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP.HCM ngày 07/5/2014 cấp cho ông Trần Trường T và bà Nguyễn Thị Tuyết N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thanh Tuyền, sinh ngày 04/4/2014, Trần Trường Đô, sinh ngày 08/6/2015 cho ông Trần Trường T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Tuyết N cho đến khi ông Trần Trường T có đơn yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: **Không có.**

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trường T phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0074971 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành án tại Cơ quan Thi Hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM
- Chi cục THADS H. Hóc Môn
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thành Danh**